TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

**KHOA: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**

**Học kỳ 3, năm học 2021 - 2022**

Mã học phần: 7TC0250

Tên học phần: Rủi ro và bảo hiểm

Mã nhóm lớp học phần: 213\_7TC0250\_01

Thời gian làm bài (phút): 60

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận – được sử dụng tài liệu**

**Cách thức nộp bài phần tự luận:**

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;

- Upload file bài làm (word, excel, pdf…);

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 điểm)**

Câu 1: Nguyên nhân nào sau đây thuộc về nguyên nhân chủ quan của rủi ro?

**A.** Mâu thuẫn nội bộ.

**B.** Ô nhiễm môi trường.

**C.** Tai nạn lao động.

**D.** Lợi ích kinh tế

ANSWER: **A**

Câu 2: Một công ty bảo hiểm 2.100.000 căn nhà, ước tính trung bình mỗi năm tỷ lệ căn nhà bị cháy là 1,5%. Tuy nhiên thực tế năm 2021 có 28.500 căn nhà bị cháy. Xác định rủi ro khách quan xảy ra trong trường hợp này là bao nhiêu?

**A.** 9,5%

**B.** 1,5%

**C.** 8,5%

**D.** 10%

ANSWER: **A**

Câu 3: Một người đi trên đường rất cẩn thận nhưng vẫn có thể gặp tai nạn không may do một cái ô tô mất lái tại dúng thời điểm đó. Hãy cho biết đó là loại rủi ro gì?

**A.** Rủi ro khách quan

**B.** Rủi ro chủ quan

**C.** Cả 2 câu đều đúng

**D.** Cả 2 câu đều sai

ANSWER: **A**

Câu 4: Hành động chặt phá rừng, đốt rừng để sản xuất thì dẫn đến hiểm họa. Hãy cho biết nguồn gốc của hiểm họa này là do đâu?

**A.** Hiểm họa do tác động bởi các hoạt động của con người

**B.** Hiểm họa tự nhiên

**C.** Hiểm họa do con người gây ra

**D.** Không có câu nào đúng

ANSWER: **A**

Câu 5: Các hiện tượng như ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí, rò rỉ khí độc… thì dẫn đến hiểm họa. Hãy cho biết nguồn gốc của hiểm họa này là do đâu?

**A.** Hiểm họa do con người gây ra

**B.** Hiểm họa tự nhiên

**C.** Hiểm họa do tác động bởi các hoạt động của con người

**D.** Không có câu nào đúng

ANSWER: **A**

Câu 6: Một công ty thường chọn kỹ thuật quản trị rủi ro bằng cách mua bảo hiểm trong trường hợp

**A.** Rủi ro có tần suất xảy ra thấp và mức độ thiệt hại nhiều

**B.** Rủi ro có tần suất xảy ra thấp và mức độ thiệt hại ít

**C.** Rủi ro có tần suất xảy ra cao và mức độ thiệt hại ít

**D.** Rủi ro có tần suất xảy ra cao và mức độ thiệt hại nhiều

ANSWER: **A**

Câu 7: Để giảm bớt tai nạn lao động, các công ty đã tổ chức các khoá học cho người lao động về an toàn, vệ sinh lao động. Đây là loại biện pháp kiểm soát rủi ro gì?

**A.** Ngăn ngừa tổn thất

**B.** Tránh né rủi ro

**C.** Giảm thiểu tổn thất

**D.** Cả 3 câu đều đúng

ANSWER: **A**

Câu 8: Vai trò nào sau đây không phải là vai trò của bảo hiểm?

**A.** Góp phần cung ứng nguồn tài chính cho quỹ tiền tệ.

**B.** Góp phần ổn định sản xuất kinh doanh và ổn định đời sống xã hội trước những rủi ro bất ngờ.

**C.** Góp phần thiết lập hệ thống an toàn xã hội, hỗ trợ và thực hiện biện pháp đề phòng, ngăn ngừa, hạn chế tổn thất.

**D.** Góp phần cung ứng vốn cho phát triển kinh tế xã hội.

ANSWER: **A**

Câu 9: Bảo hiểm thương mại bảo hiểm cho những rủi ro nào?

**A.** Không lường trước được.

**B.** Lường trước được.

**C.** Ước lượng được.

**D.** Cả 3 câu đều sai.

ANSWER: **A**

Câu 10: Phát biểu nào sau đây sai?

**A.** Tổn thất không phải là ngẫu nhiên và do vô ý.

**B.** Tổn thất phải xác định được và đo lường được.

**C.** Tổn thất không phải là thảm khốc.

**D.** Khả năng gây tổn thất phải ước lượng được.

ANSWER: **A**

Câu 11: Mức phí bảo hiểm được đưa ra phải thỏa mãn được yêu cầu mức phí phải thu hút được người mua bảo hiểm. Quan điểm trên thuộc đặc điểm nào của một rủi ro được bảo hiểm?

**A.** Mức phí phải khả thi về mặt kinh tế.

**B.** Tổn thất phải là ngẫu nhiên và do vô ý.

**C.** Tổn thất phải xác định được và đo lường được.

**D.** Tổn thất không phải là thảm khốc.

ANSWER: **A**

Câu 12: Dựa vào nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm đối với việc mua bảo hiểm, bảo hiểm gồm loại nào sau đây?

**A.** Bảo hiểm bắt buộc

**B.** Bảo hiểm nhà nước

**C.** Bảo hiểm nhân thọ

**D.** Bảo hiểm thương mại

ANSWER: **A**

Câu 13: Khi định phí bảo hiểm, người bảo hiểm phải đánh giá rủi ro khi áp vào một đối tượng bảo hiểm theo?

**A.** Rủi ro gốc và tình tiết rủi ro

**B.** Rủi ro gốc

**C.** Tình tiết rủi ro

**D.** Nguy cơ tiềm ẩn

ANSWER: **A**

Câu 14: Giả sử có 2 người cùng sở hữu 2 tài sản như nhau về trị giá 3,5 tỷ đồng và xác suất 11% rủi ro xảy ra, khi rủi ro xảy ra thì mất mát. Cả 2 người kết hợp với nhau và thỏa thuận rằng nếu có tổn thất xảy ra thì cả 2 người sẽ cùng nhau chia sẻ tổn thất này. Hỏi độ lệch chuẩn của những tổn thất thực tế so với mức trung bình là bao nhiêu?

**A.** 774,36 triệu đồng

**B.** 3,5 tỷ đồng

**C.** 1.095,11 triệu đồng

**D.** Cả 3 câu đều sai

ANSWER: **A**

Câu 15: Giả sử bà C đã mua một chiếc xe cách đây 3 năm và hiện tại bị cháy. Chiếc xe được khấu hao 45% và chiếc xe tương tự hiện có giá là 1,8 tỷ đồng. Theo quy tắc giá trị tiền mặt thực tế, bà C nhận được tiền bồi thường giá trị cho một chiếc xe là bao nhiêu?

**A.** 990 triệu đồng

**B.** 1,8 tỷ đồng

**C.** 810 triệu đồng

**D.** 600 triệu đồng

ANSWER: **A**

Câu 16: Nếu chiếc xe bạn mua là một chiếc xe bổ sung thì thuộc phạm vi bảo hiểm nào trong bảo hiểm xe?

**A.** Một chiếc ô tô mới mua

**B.** Bất kỳ chiếc xe nào được hiển thị trong tờ khai

**C.** Người đi cùng thuộc đối tượng được bảo hiểm

**D.** Xe thay thế tạm thời khác

ANSWER: **A**

Câu 17: Nếu người được bảo hiểm bị thương trong vụ tai nạn xe thì có thể được hưởng bồi thường từ bảo hiểm nào sau đây?

**A.** Bảo hiểm thanh toán chi phí y tế

**B.** Bảo hiểm trách nhiệm dân sự người điều khiển xe

**C.** Bảo hiểm thiệt hại vật chất xe

**D.** Cả 3 câu đều đúng

ANSWER: **A**

Câu 18: Bảo hiểm này không quan tâm lỗi là do người được bảo hiểm gây ra cho bên thứ 3 hay bên thứ 3 gây ra cho người được bảo hiểm thì thuộc gói bảo hiểm nào sau đây?

**A.** Bảo hiểm toàn diện

**B.** Bảo hiểm va chạm

**C.** Bảo hiểm đặc biệt

**D.** Cả 3 câu đều đúng

ANSWER: **A**

Câu 19: Xe ô tô trị giá 2,2 tỷ đồng. Bảo hiểm vật chất với số tiền là 700 triệu đồng. Xe bị tai nạn, chi phí cầu kéo là 2,5 triệu đồng; thiệt hại thân xe là 80 triệu đồng; thiệt hại tài sản là 95 triệu đồng. Xác định số tiền bồi thường của người bảo hiểm là bao nhiêu?

**A.** 26,25 triệu đồng

**B.** 95 triệu đồng

**C.** 82,5 triệu đồng

**D.** 2,5 triệu đồng

ANSWER: **A**

Câu 20: Quyền chọn mua được bảo đảm của một công ty bảo hiểm cho phép mua thêm bảo hiểm nhân thọ khi người được bảo hiểm đạt độ tuổi 25, 28, 31, 34, 37, 40, 43 và 46. Ông A, 27 tuổi mua một chính sách bảo hiểm thông thường trị giá 35.000 USD với quyền chọn mua được bảo đảm và sẽ không bảo hiểm khi đến thời điểm tối đa. Hỏi khi thực hiện quyền chọn mua, tổng số tiền Ông A được bảo hiểm đến thời điểm tối đa theo quy định của công ty bảo hiểm là bao nhiêu?

**A.** 280.000 USD

**B.** 35.000 USD

**C.** 245.000 USD

**D.** Không có câu nào đúng

ANSWER: **A**

Câu 21: Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm con người là?

**A.** Tuổi thọ, tính mạng, sức khỏe và tai nạn con người.

**B.** Tuổi thọ, tính mạng và tai nạn của người được bảo hiểm.

**C.** Tuổi thọ, tính mạng và trách nhiệm dân sự của người được bảo hiểm.

**D.** Tuổi thọ, tính mạng, tài sản và trách nhiệm dân sự của người được bảo hiểm.

ANSWER: **A**

Câu 22: Khả năng xảy ra tổn thất của một đơn bảo hiểm trong bảo hiểm nhân thọ như thế nào?

**A.** Tăng dần qua các năm.

**B.** Giảm dần qua các năm.

**C.** Không thay đổi qua các năm.

**D.** Cả 3 câu đều sai.

ANSWER: **A**

Câu 23: Công ty bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ đều được triển khai nghiệp vụ bảo hiểm nào sau đây?

**A.** Bảo hiểm sức khỏe

**B.** Bảo hiểm trách nhiệm

**C.** Bảo hiểm tài sản

**D.** Cả 3 câu đều sai

ANSWER: **A**

Câu 24: Phát biểu nào sau đây là đúng?

**A.** Hợp đồng bảo hiểm bắt buộc là loại hợp đồng do pháp luật quy định về mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm, sự kiện bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm.

**B.** Hợp đồng bảo hiểm bắt buộc là loại hợp đồng do các doanh nghiệp bảo hiểm đưa ra quy định về mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm, sự kiện bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm.

**C.** Bất kì loại hợp đồng bảo hiểm nào cũng do doanh nghiệp đưa ra quy định về mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm, sự kiện bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm.

**D.** Cả 3 câu đều sai.

ANSWER: **A**

Câu 25: Một trong các yêu cầu của hợp đồng bảo hiểm là?

**A.** Mục đích hợp lệ

**B.** Có tính gia nhập

**C.** Hợp đồng may rủi

**D.** Tất cả đều đúng

ANSWER: **A**

**PHẦN TỰ LUẬN (4 điểm)**

Câu 1 (1 điểm): Giả sử có 2 người cùng sở hữu 2 tài sản như nhau về trị giá 5,5 tỷ đồng và xác suất 15% rủi ro xảy ra, khi rủi ro xảy ra thì mất mát. Cả 2 người kết hợp với nhau và thỏa thuận rằng nếu có tổn thất xảy ra thì cả 2 người sẽ cùng nhau chia sẻ tổn thất này.

1. Hãy trình bày các trường hợp có thể xảy ra.
2. Hỏi độ lệch chuẩn của những tổn thất thực tế so với mức trung bình là bao nhiêu?

**Đáp án Câu 1:**

**a.** Các trường hợp có thể xảy ra: **(0,5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các trường hợp | Xác suất | Thiệt hại tài chính |
| Cả 2 căn nhà không cháy | 85%\*85% =72,25% | 0 |
| Căn thứ 1 cháy và căn thứ 2 không cháy | 15%\*85%=12,75% | 2,75 tỷ đồng |
| Căn thứ 1 không cháy và căn thứ 2 cháy | 85%\*15%=12,75% | 2,75 tỷ đồng |
| Cả 2 căn đều cháy | 15%\*15%=2,25% | 5,5 tỷ đồng |
| Tổng | 100% |  |

**b.** Khoản lỗ dự kiến cho mỗi chủ sở hữu là: **(0,5 điểm)**

Ước tính tổn thất là:

72,25% \* 0 + 12,75% \* 2,75 + 12,75% \* 2,75 + 2,25% \* 5,5 = 0,825 tỷ đồng

Độ lệch chuẩn của những tổn thất thực tế so với mức trung bình là:

Câu 2 (3 điểm): Hiện tại bà A đang kinh doanh mặt hàng quần áo dưới hình thức online trên các sàn thương mại giao dịch điện tử như là: shoppe, tiki, … tại một nhà trọ với diện tích mặt bằng chưa tới 30 mét vuông, xung quanh là các hộ dân cư sinh sống với mật độ dày đặc. Vào thứ 2 và thứ 6 hàng tuần, bà A đều phải nhập một lượng lớn hàng hoá giao động từ 25-50kg và hầu hết là quần áo.

Yêu cầu:

1. Cho biết loại nguy cơ nào bà A sẽ dễ gặp phải rủi ro? Tại sao?
2. Hãy nêu quy trình quản trị rủi ro và kỹ thuật lựa chọn kiểm soát rủi ro phù hợp.

**Đáp án Câu 2:**

***Tần suất và mức độ tổn thất:*** Nguy cơ về vật chất: vì mặt hàng kinh doanh là quần áo nên khả năng xảy ra cháy nổ là thường xuyên. **(0,5 điểm)**

***Mức độ tổn thất:*** Với thực trạng hiện tại, mật độ dân cư đông đúc, mô hình xây dựng tại nơi hiện đang ở gần nhau nên rủi ro khi xảy ra cháy nổ ngoài ý muốn có thể gây tổn thất rất lớn cho xung quanh nếu không được khống chế kịp thời. **(0,5 điểm)**

**Quy trình quản trị rủi ro và kỹ thuật lựa chọn kiểm soát rủi ro phù hợp: (1 điểm)**

* Xác định các rủi ro gây tổn thất
* Đo lường và phân tích rủi ro
* Lựa chọn, kết hợp kỹ thuật phù hợp
* Định kỳ kiểm tra

**Kỹ thuật lựa chọn:** Đề cập đến những kỹ thuật nhằm giảm tần suất và mức độ của tổn thất. Các kỹ thuật kiểm soát rủi ro gồm: **(1 điểm)**

* Tránh rủi ro: Phân loại các mặt hàng với chất liệu vải dễ cháy ra một khu đặc biệt gần nguồn nước....
* Phòng ngừa tổn thất: Cảnh giác với những vật dụng gây lửa như là: hộp quẹt, bếp gas, máy sấy tóc, … để xa tại nơi để hàng hoá.
* Giảm tổn thất: nỗ lực nhằm mục đích giảm mức độ nghiêm trọng, kiểm soát tổn thất trong trường hợp xảy ra.
* Mua bảo hiểm: bảo hiểm an toàn cháy nổ hàng hóa

*Ngày biên soạn: 24/06/2022*

**Giảng viên biên soạn đề thi:** Nguyễn Thị Quỳnh Châu

*Ngày kiểm duyệt:*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi:** Lê Thị Mỹ Duyên